

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 12-6-2019.

“V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Trường Nam.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Đức Thi.

2. Ông Nguyễn Văn Thề.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Kiều Trang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện V.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 21/2019/TLST-HNGĐ ngày 25-02-2019 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị T, sinh năm: 1994;

ĐKHKT: Tổ dân phố S, thị trấn G, huyện V, tỉnh Nam Định.

Địa chỉ cư trú: Số nhà 42, tổ dân phố N, thị trấn G, huyện V, tỉnh Nam Định.

- Bị đơn: Anh Phạm Hồng T, sinh năm: 1989;

ĐKHKT (Cư trú): Số nhà 202, Tổ dân phố S, thị trấn G, huyện V, tỉnh Nam Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên tòa, chị Trần Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phạm Hồng T tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn G, huyện V, tỉnh Nam Định vào ngày 21-11-2013; có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán của địa phương. Sau kết hôn vợ chồng chung sống với nhau tại nhà của bố mẹ chồng tại thị trấn G, huyện V, tỉnh Nam Định; hòa thuận hạnh phúc được khoảng 04 năm thì phát sinh ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do: Vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh T thường xuyên đi chơi về nhà gây sự đánh chị; ngoài ra anh T còn chơi bời nợ nần nhiều, không chú tâm làm ăn chăm lo cho gia đình. Vợ chồng thỉnh thoảng có đánh cãi chửi nhau và

chị đã tha thứ, bỏ qua cho anh T để anh T thay đổi, nhưng anh T đều không sửa. Ngày 08-02-2019, anh T có nói với chị: “Tự sắp xếp quần áo mà chuyển đi” và chị tự bỏ về nhà bố mẹ để ở số nhà 42, phố N, thị trấn G để ở; đến tối ngày 11-02-2019 chị có quay về nhà bố mẹ chồng và nói chuyện với anh T, nhưng anh T không nghe lại còn đổ cho chị chửi bới, đánh đập anh T và lao vào đánh chị. Kể từ ngày 08-02-2019 đến nay, chị và anh T sống ly thân, chấm dứt quan hệ tình cảm và không còn quan tâm chăm sóc gì đến nhau. Chị xác định mẫu thuẫn vợ chồng đã kéo dài và trầm trọng, vợ chồng không còn tình cảm với nhau nữa; vì vậy chị đề nghị Tòa án xem xét cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu Phạm Tùng L, sinh ngày 30-8-2015 và cháu Phạm Trâm A, sinh ngày 21-7-2017. Khi vợ chồng ly thân cháu Tùng L ở với anh T, còn cháu Trâm A ở với chị. Ly hôn, chị đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết cho chị được trực tiếp nuôi cháu Trâm A và giao cháu Tùng L cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào. Hiện nay chị đang làm công việc trông nom quán internet tại số nhà 42, đường N, thị trấn G với thu nhập bình quân khoảng 7 – 8 triệu đồng/tháng, chị nhận thấy chị có đủ các điều kiện để nuôi con và không cần anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản chung, tài sản riêng công nợ và những vấn đề khác có liên quan: Vợ chồng chị không có, nên chị không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết.

* Yêu cầu và đề nghị của bị đơn: Tại bản tự khai và biên bản hòa giải và tại phiên tòa anh Phạm Hồng T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Trần Thị T tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn G, huyện V, tỉnh Nam Định vào ngày 21-11-2013. Vợ chồng có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán của địa phương và về chung sống với nhau tại nhà của bố mẹ anh ở thị trấn G, huyện V, tỉnh Nam Định. Vợ chồng anh vẫn chung sống hòa thuận, hạnh phúc và không nảy sinh ra mâu thuẫn gì. Chị T tự ý bỏ về nhà bố mẹ để từ tháng 02-2018 và kể từ đó cho đến nay vợ chồng anh chị đã chấm dứt quan hệ tình cảm và sống ly thân. Chị T xin ly hôn, anh có nguyện vọng vợ chồng đoàn tụ để cùng nuôi dạy con, nay chị T cương quyết ly hôn anh đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Phạm Tùng L, sinh ngày 30-8-2015 và cháu Phạm Trâm A, sinh ngày 21-7-2017. Ly hôn, anh đề nghị được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu L và giao cháu A cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ và những vấn đề khác có liên quan: Vợ chồng không có và anh không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa, cũng như việc chấp hành pháp luật của đương sự.

- Về yêu cầu khởi kiện của đương sự: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị T.

+ Về quan hệ hôn nhân: Xử lý hôn giữa chị Trần Thị T và anh Phạm Hồng T.

+ Về nuôi con chung: Giao cháu Phạm Tùng L, sinh ngày 30-8-2015 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng và cháu Phạm Trâm A, sinh ngày 21-7-2017 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào.

+ Về tài sản chung và các vấn đề khác có liên quan: Chị T và anh T không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

+ Về án phí ly hôn: Buộc chị T phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy chị T và anh T kết hôn với nhau, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn G, huyện V, tỉnh Nam Định vào ngày 21-11-2013. Như vậy hôn nhân của chị T và anh T thỏa mãn về điều kiện kết hôn theo quy định tại các Điều 8, 9 của Luật hôn nhân và gia đình, nên đây là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

[2]. Về tình trạng hôn nhân: Nhận thấy sau khi kết hôn chị T và anh T có khoảng thời gian chung sống hòa thuận, hạnh phúc khoảng 04 năm, nhưng sau đó do anh T không chăm lo đến kinh tế gia đình và không quan tâm, chăm sóc vợ con. Vợ chồng bất đồng quan điểm dẫn đến đánh cãi chửi nhau, chị T đã nhiều lần khuyên bảo, nhưng anh T không thay đổi. Đến ngày 08-02-2019 chị T bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở và kể từ đó cho đến nay anh chị sống ly thân, chấm dứt quan hệ tình cảm; nay nguyện vọng của chị xin được ly hôn với anh T.

Xét trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải, anh T trình bày anh vẫn còn tình cảm với chị T và có nguyện vọng để gia đình đoàn tụ; tuy nhiên anh T không có biện pháp và phương án hòa giải để tháo gỡ mâu thuẫn vợ chồng. Tại phiên tòa chị T cương quyết xin được ly hôn và anh T đồng ý. Vì vậy, Hội đồng căn cứ vào các Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T, giải quyết cho chị ly hôn với anh T là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3]. Về con chung: Chị T và anh T có 02 con chung là cháu Phạm Tùng L, sinh ngày 30-8-2015 và cháu Phạm Trâm A, sinh ngày 21-7-2017. Từ khi vợ chồng ly thân, cháu L ở với anh T, cháu A ở với chị T. Ly hôn chị T và anh T thỏa thuận: chị T nuôi cháu A, anh T nuôi cháu L; không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào.

Xét thấy nguyện vọng nuôi con của chị T và anh T là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội, các cháu A và L cần có bố mẹ

chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Hội đồng xét thấy chị T và anh T đều có đủ các điều kiện nuôi dưỡng và đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho các cháu; do đó căn cứ vào các Điều 81, 82 của Luật hôn nhân và gia đình, giao cháu A cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu L cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

[4]. Về tài sản chung và các vấn đề khác có liên quan: Chị T và anh T đều không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5]. Về án phí: Chị T phải nộp theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án:

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

1. Xử lý hôn giữa chị Trần Thị T và anh Phạm Hồng T.

2. Con chung:

2.1. Giao cháu Phạm Tùng L, sinh ngày 30-8-2015 cho anh Phạm Hồng T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và giao cháu Phạm Trâm A, sinh ngày 21-7-2017 cho chị Trần Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu thành niên, có khả năng lao động tự lập được. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào.

2.2. Chị Trần Thị T và anh Phạm Hồng T đều có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Trần Thị T phải nộp 300.000đ. Số tiền 300.000đ chị T đã nộp tạm ứng án phí, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: BB/2012/09904 ngày 25-02-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V được đối trừ. (Chị T đã nộp đủ án phí).

4. Quyền kháng cáo: Chị Trần Thị T và anh Phạm Hồng T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền tự nguyện thi hành án, thỏa thuận thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện + Tỉnh;
- Chi cục THADS huyện V;
- UBND thị trấn G;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP Tòa án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Trường Nam

